



TÀI LIỆU TẬP HUẤN SGK

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TOÁN

LỚP 1

Năm 2020

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	2
----------------------	---

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1	5
1.1. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt	5
1.2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các mạch nội dung giáo dục	7
1.3. Phương pháp dạy học	8
1.4. Đánh giá kết quả học tập	8
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)	9
2.1. Một số đặc điểm chung	9
2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung	14
2.3. Khung phân phối chương trình (kế hoạch dạy học) môn Toán lớp 1 (Cánh Diều)	15
2.4. Yêu cầu Phương pháp dạy học	18
2.5. Vấn đề đánh giá và xếp loại học sinh trong dạy học môn Toán lớp 1 (Cánh Diều)	21
III. GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)	21
3.1. Hệ thống sách, các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)	21
3.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học	22
3.3. Học liệu điện tử	22

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)

I. GIỚI THIỆU CHUNG	23
II. BÀI SOẠN MINH HOẠ	24

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HS:	Học sinh
GV:	Giáo viên
SGK:	Sách giáo khoa
SGV:	Sách giáo viên
VD:	Ví dụ
HĐ:	Hoạt động
NL:	Năng lực
PPCT:	Phân phối chương trình
CT:	Chương trình

Lời giới thiệu

Sách giáo khoa Toán 1 (Cánh Diều) là tài liệu học tập môn Toán dành cho học sinh lớp 1, thực hiện theo “*Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – môn Toán lớp 1*”. Đây là cơ sở để giáo viên tiến hành dạy học (lập kế hoạch cho từng bài hoặc cho cả năm học) và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 1 của học sinh.

Cuốn ***Tài liệu tập huấn dạy học theo sách giáo khoa lớp 1 (Cánh Diều) môn Toán*** có mục tiêu giúp giáo viên:

- Có hiểu biết khái quát về Chương trình môn Toán lớp 1 bao gồm: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn Toán lớp 1.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học (trong đó có đổi mới việc soạn bài dạy học) và đổi mới đánh giá kết quả học tập.

- Giới thiệu qui trình và kỹ thuật soạn bài dạy học (thông qua việc giới thiệu một số bài soạn có tính chất tham khảo) đáp ứng yêu cầu dạy học hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh lớp 1.

Cuốn sách gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung

Phần thứ hai. Hướng dẫn soạn bài dạy học theo sách giáo khoa Toán 1 (Cánh Diều).

Phần thứ nhất
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

1.1. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
<i>Số và phép tính</i>		
Số tự nhiên	<i>Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100</i>	– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100. – Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
	<i>So sánh các số trong phạm vi 100</i>	Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	– Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. – Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100. – Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Tính nhẩm</i>	– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. – Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i>	– Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. – Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	– Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên – dưới, phải – trái, trước – sau, ở giữa. – Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. – Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	– Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”. – Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100 cm. – Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ. – Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	– Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân, ...) – Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là xăng-ti-mét (cm). – Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ. – Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).
Hoạt động thực hành và trải nghiệm		
<i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn: – Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống thực tiễn hằng ngày (ví dụ: đếm số bàn học và số cửa sổ trong lớp học, ...). – Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng không gian (ví dụ: xác định được một vật ở trên hoặc dưới mặt bàn, một vật cao hơn hoặc thấp hơn vật khác, ...). – Thực hành đo và ước lượng độ dài một số đồ vật trong thực tế gắn với đơn vị đo xăng-ti-mét (cm); thực hành đọc giờ đúng trên đồng hồ, xem lịch loại lịch tờ hằng ngày. <i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ: các trò chơi học toán,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản.		

1.2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các mạch nội dung giáo dục

Thời lượng cho môn Toán lớp 1: 3 tiết/tuần $\times$ 35 tuần = 105 tiết.

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung Toán ở lớp 1:

Mạch kiến thức	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Hoạt động thực hành và trải nghiệm
Thời lượng	80%	15%	5%

Một số vấn đề cần lưu ý:

– Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất số tiết của mỗi bài sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

– Nên bố trí một số tiết dự phòng (so với tổng số tiết quy định trong CT cả năm) để GV có thể sử dụng cho giờ kiểm tra, bổ sung tiết cho những bài khó, bài dài hoặc dự phòng để bù giờ.

– Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng bài, từng chủ đề và mạch kiến thức đề xuất với Hiệu trưởng quyết định xếp thời khoá biểu sao cho hợp lí.

1.3. Phương pháp dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học vẫn là điểm nhấn chủ yếu nhất trong đổi mới CT môn Toán, trong đó cần chú ý các yêu cầu:

– Tổ chức quá trình dạy học phù hợp với tiến trình nhận thức, NL nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS. Tiến trình đó bao gồm các bước chủ yếu: *Trải nghiệm – Hình thành kiến thức mới – Thực hành, luyện tập – Vận dụng*. Kết hợp các HĐ dạy học trong lớp với HĐ ngoài giờ chính khoá và HĐ thực hành trải nghiệm, ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

– Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống.

– Quá trình dạy học Toán 1 là một quá trình linh hoạt và có tính “mở”. GV cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tuy nhiên việc điều chỉnh phải trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT môn Toán (với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học); nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hoá của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học. Giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và NL của GV, HS. Vì vậy, trong trường hợp cần dẫn hoặc thu gọn thời lượng dạy học, GV có thể căn cứ tình hình cụ thể để chủ động điều chỉnh cho phù hợp, miễn sao đảm bảo được mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

1.4. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá NL người học thông qua các bằng chứng thể hiện kết quả đạt được trong quá trình học tập. Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện,

vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, ...) và vào những thời điểm thích hợp.

Với mỗi bài học, mỗi đơn vị kiến thức, nên giao cho HS những mục tiêu và nhiệm vụ học tập cụ thể. Có thể điều chỉnh các nhiệm vụ học tập nêu trong SGK để phù hợp với nhịp độ tiếp thu và trình độ nhận thức của HS.

Khi kết thúc một chủ đề, GV có thể tổ chức kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của HS và điều chỉnh cách dạy của mình.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)

2.1. Một số đặc điểm chung

2.1.1. Cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Toán lớp 1

VD với chủ đề “Đếm, đọc, viết và so sánh các số trong phạm vi 100”: Xuất phát từ yêu cầu cần đạt nêu trong CT môn Toán lớp 1, xác định Khung nội dung dạy học trình bày cụ thể trong SGK Toán 1 (Cánh Diều):

Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Nội dung dạy học
<i>Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100</i>	– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100. – Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.	– Các số từ 1 đến 9; số 0; số 10. – Các số từ 11 đến 20. – Các số: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90. – Các số có hai chữ số (từ 21 đến 99); các số đến 100. – Chục và đơn vị. – Sử dụng “Bảng các số từ 1 đến 100” để thực hành đếm, đọc, viết và so sánh các số. – Thực hành viết số có hai chữ số thành tổng của chục và đơn vị.
<i>So sánh các số trong phạm vi 100</i>	– So sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).	– Lớn hơn, dấu $>$; Bé hơn, dấu $<$; Bằng nhau, dấu $=$. – So sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 trong phạm vi 100. – Sử dụng phép đếm (hoặc Bảng các số từ 1 đến 100) để so sánh.

2.1.2. Tình giản, thiết thực

SGK Toán 1 (Cánh Diều) thực hiện giảm tải, VD:

– Quan hệ “lớn hơn, bé hơn, bằng nhau”, các dấu ($>$, $<$, $=$) và việc so sánh các số chỉ được đề cập khi HS đã được hình thành các số trong phạm vi 10. Điều này giúp cho HS trong những tiết học toán đầu tiên được tập trung vào kĩ năng “đếm, đọc, viết” mà không bị tải thêm nội dung “so sánh các số”

– Kĩ thuật tính viết (tính theo cột dọc) không đưa vào quá sớm, chỉ được giới thiệu khi học về phép tính với các số trong phạm vi 100.

– Chỉ yêu cầu HS biết lựa chọn và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời cho tình huống có vấn đề được nêu mà không yêu cầu phải thực sự ghi lời giải một bài toán có lời văn liên quan. VD (Bài 3b trang 131 – SGK Toán 1):

b) Lúc đầu trên sân có 5 bạn đang chơi, sau đó 1 bạn đi về.
Hỏi trên sân còn lại mấy bạn?



Phép tính:

$$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} = \boxed{?}$$

Trả lời:

Trên sân còn lại $\boxed{?}$ bạn.

2.1.3. Quán triệt tinh thần “Mang cuộc sống vào bài học, đưa bài học vào cuộc sống”

Mỗi Chủ đề trong sách Toán 1 bắt đầu bằng một tranh vẽ, VD: Tranh chủ đề 1 mô tả các đối tượng cụ thể trong sinh hoạt và đời sống hằng ngày như cây trái, vật nuôi; Tranh chủ đề 2 mô tả một buổi sinh hoạt ngoại khóa; Tranh chủ đề 3 mô tả các hoạt động thể dục, thể thao; Tranh chủ đề 4 mô tả hoạt động sôi động chuẩn bị cho lễ hội của HS trường tiểu học.

Ngoài ra, trong mỗi bài học, SGK Toán 1 đều chú ý kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lí thuyết với vận dụng thực tế. VD: Sau khi học các số 1, 2, 3 HS thực hành đếm các đồ dùng học tập cá nhân có trên mặt bàn (Bài tập 4 trang 11 – SGK Toán 1);

Sau khi học các số 4, 5, 6 GV nên nhắc HS cùng mẹ vào bếp thực hành đếm các đồ vật có trong nhà bếp (Bài tập 4 trang 13 – SGK Toán 1); Sau khi học các số 7, 8, 9, 10 cũng là bắt đầu vào dịp tết Trung thu, HS có thể đếm các đồ chơi trung thu (Trang 14 – SGK Toán 1); như các hình dưới đây.



2.1.4. Sách được phân chia thành 4 chủ đề: Các số đến 10; Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10; Các số trong phạm vi 100; Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

Tên của mỗi chủ đề nêu rõ những kiến thức, kĩ năng trọng tâm được đề cập trong chủ đề. Cùng với các tranh Chủ đề thì tranh, ảnh, hình vẽ minh họa được chọn lọc trong các bài học sẽ giúp HS có được những trải nghiệm, hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về cuộc sống. Đó cũng là cơ hội để giáo dục cho HS sự quan

tâm đến bạn bè, gia đình, yêu mến quê hương, đất nước, nhen nhóm sự tò mò khát khao hiểu biết. VD: Tranh chủ đề 1 trang 4, 5 – SGK Toán 1).



2.1.5. Mỗi chủ đề được phân chia thành các bài học

VD với Chủ đề “Các số đến 10” bao gồm các bài học chủ yếu: Các số 1, 2, 3; Các số 4, 5, 6; Các số 7, 8, 9; Số 0; Số 10; Lớn hơn, dấu $>$. Bé hơn, dấu $<$. Bằng nhau, dấu $=$.

Mỗi bài học được tổ chức thành một chuỗi các HĐ học tập của HS, sắp xếp theo tiến trình hướng đến việc tìm tòi, khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng (phù hợp với trình độ nhận thức và NL của HS lớp 1).

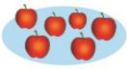
Cấu trúc mỗi bài học bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu*, *Hình thành kiến thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* và được thiết kế theo tinh thần kết nối chặt chẽ giữa Lí thuyết và Thực hành – Luyện tập.

CÁC SỐ 4, 5, 6



Mở đầu









4

4

5

5

6

6

Hình thành kiến thức mới

1 Số ?





2 Lấy số hình phù hợp (theo mẫu):






3 Số ?








4 Số ?








Vận dụng

Luyện tập

2.1.6. Trong từng bài học, SGK Toán 1 (Cánh Diều) thiết kế nhiều dạng câu hỏi, bài tập hoặc HĐ có tác dụng kích thích hứng thú và phát triển NL học tập môn Toán của HS. Những hoạt động/bài tập được gắn kí hiệu màu xanh thuộc loại thực hành, luyện tập, củng cố trực tiếp. Còn gắn kí hiệu màu da cam thuộc loại vận dụng giải quyết vấn đề thực tế hoặc mang tính chất thực tế.

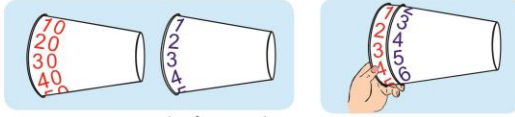
Ở mỗi bài học, khi cần thiết có đưa thêm các “bóng nói” hoặc các kí hiệu bằng hình vẽ, nhằm gợi ý, hướng dẫn HS suy nghĩ giải quyết vấn đề hoặc trao đổi thảo luận với các bạn, các thầy cô giáo. Cuối mỗi bài học, thông qua một tình huống gần gũi với thực tế đời sống, HS làm quen với việc vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, HS còn được tạo cơ hội tham gia trả lời các câu hỏi và ứng đáp với các tình huống thách thức hơn nhằm phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và đáp ứng nhu cầu dạy học phân hoá.

2.1.7. Cuối mỗi chủ đề có dạng bài **“Em vui học toán”** nhằm dành thời gian cho HS được tham gia các HĐ thực hành và trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn cuộc sống. VD (Trang 122, 123 – SGK Toán 1):



1 Trò chơi “Đọc số”

- Chọn 2 chiếc cốc như nhau và có thể lồng vào nhau.
- Viết các số tròn chục từ 10 đến 90 lên xung quanh miệng chiếc cốc thứ nhất; viết các số từ 1 đến 9 lên xung quanh miệng chiếc cốc thứ hai.
- Lồng chiếc cốc thứ nhất vào trong chiếc cốc thứ hai.



- Cùng nhau xoay cốc rồi đọc số tạo thành.



2 Tạo hình bằng que và đất nặn:



122

3 Vẽ đường viền quanh đồ vật để tạo hình:



4 Thực hành đo độ dài:

- Chọn hai vị trí trên sân trường.
- Mỗi nhóm đo khoảng cách giữa hai vị trí đã chọn bằng một sợi dây. Sau đó dùng thanh gỗ đo độ dài của sợi dây đó.
- Ghi lại kết quả đo và báo cáo.



123

2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung

2.2.1. Về số

Quán triệt quan điểm thông qua “*đếm*” để hình thành khái niệm số và hình thành kỹ năng thực hành so sánh các số. Cụ thể:

– Thông qua *đếm số lượng để hình thành khái niệm số*. Chú ý đặc điểm ngôn ngữ Tiếng Việt khi HS đếm và đọc các số, VD quá trình biến âm “mười – mười” trong đếm, đọc số (số 13 – mười ba và số 23 – hai mươi ba). Việc hình thành khái niệm số thông qua “Chục và đơn vị” chỉ đề cập khi HS đã được hình thành đầy đủ các số trong phạm vi 100.

– Thông qua *đếm để hình thành kỹ năng thực hành so sánh các số* (trong hai số, số nào được đếm trước thì bé hơn, số nào đếm sau thì lớn hơn và ngược lại). Vì vậy, SGK Toán 1 (Cánh diều) sử dụng “Băng số” và “Bảng các số từ 1 đến 100” như phương tiện trực quan giúp HS thực hành so sánh các số.

2.2.2. Về phép tính

Tập trung vào các nội dung:

- Ý nghĩa thực tế của phép tính (cộng, trừ);
- Kỹ thuật tính nhẩm trong thực hành tính như: Đếm tiếp (hoặc đếm lùi); Cộng (trừ) nhẩm các số tròn chục; Sử dụng các bảng tính cộng, trừ. Kỹ thuật tính viết

(tính theo cột dọc) không đưa vào quá sớm, chỉ được giới thiệu khi học về tính với các số trong phạm vi 100.

– Chỉ yêu cầu mức độ làm quen với giải một bài toán có lời văn, không yêu cầu viết đầy đủ câu lời giải, phép tính giải và đáp số.

2.2.3. Về Hình học và Đo lường

Với chủ đề “Hình khối”, chỉ yêu cầu HS biết cầm, nắm, dịch chuyển, sắp xếp, lắp ghép, thao tác trên các đồ vật cụ thể rồi đọc tên các dạng hình khối đó (khối hộp chữ nhật; khối lập phương), chưa yêu cầu HS phải nhận biết, mô tả đặc điểm của các hình khối (mặt, đỉnh, cạnh). Ngoài ra, trong HĐ thực hành và trải nghiệm “*Em vui học toán*”, GV nên quan tâm cho HS thực hành HĐ, chẳng hạn “Vẽ đường viền quanh các đồ vật (hình khối) để tạo hình (hình phẳng)”,...

Với HĐ “Thực hành đo độ dài với đơn vị đo là xăng-ti-mét (cm)” (trong điều kiện HS chưa học về đoạn thẳng), chú ý tổ chức cho HS sử dụng thước thẳng (có vạch chia xăng-ti-mét) để thực hành đo độ dài một số đồ dùng học tập quen thuộc, không quá nhấn mạnh kỹ năng tính toán (hoặc giải quyết vấn đề) liên quan đến đơn vị đo xăng-ti-mét.

2.3. Khung phân phối chương trình (kế hoạch dạy học) môn Toán lớp 1 (Cánh Diều)

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của SGK Toán 1 (Cánh Diều). Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng cho các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Căn cứ Khung PPCT, các trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với nhà trường. Các trường chỉ có điều kiện dạy học 1 buổi/ngày có thể điều chỉnh Khung PPCT cho phù hợp.

Chủ đề / Bài	Số tiết
1. Các số đến 10	15 tiết
Trên – Dưới. Phải – Trái. Trước – Sau. Ở giữa	1 tiết
Hình vuông – Hình tròn – Hình tam giác – Hình chữ nhật	1 tiết
Các số 1, 2, 3	1 tiết
Các số 4, 5, 6	1 tiết
Các số 7, 8, 9	1 tiết
Số 0	1 tiết
Số 10	1 tiết

Chủ đề / Bài	Số tiết
Luyện tập	1 tiết
Nhiều hơn – Ít hơn – Bằng nhau	1 tiết
Lớn hơn, dấu $>$. Bé hơn, dấu $<$. Bằng nhau, dấu $=$	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Em ôn lại những gì đã học	2 tiết
Em vui học toán	1 tiết
2. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	39 tiết
Làm quen với phép cộng – Dấu cộng	1 tiết
Làm quen với phép cộng – Dấu cộng (tiếp theo)	1 tiết
Phép cộng trong phạm vi 6	2 tiết
Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo)	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép cộng trong phạm vi 10	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép cộng trong phạm vi 10 (tiếp theo)	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	1 tiết
Làm quen với phép trừ – Dấu trừ	1 tiết
Phép trừ trong phạm vi 6	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép trừ trong phạm vi 6 (tiếp theo)	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép trừ trong phạm vi 10	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp theo)	2 tiết

Chủ đề / Bài	Số tiết
Luyện tập	2 tiết
Luyện tập	2 tiết
Luyện tập	2 tiết
Luyện tập chung	2 tiết
Em ôn lại những gì đã học	2 tiết
Em vui học toán	1 tiết
Ôn tập	2 tiết
3. Các số trong phạm vi 100	21 tiết
Các số 11, 12, 13, 14, 15, 16	2 tiết
Các số 17, 18, 19, 20	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90	1 tiết
Các số có hai chữ số (từ 21 đến 40)	1 tiết
Các số có hai chữ số (từ 41 đến 70)	1 tiết
Các số có hai chữ số (từ 71 đến 99)	1 tiết
Các số đến 100	1 tiết
Chục và đơn vị	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
So sánh các số trong phạm vi 100	1 tiết
Luyện tập	1 tiết
Dài hơn – Ngắn hơn	1 tiết
Đo độ dài	1 tiết
Xăng-ti-mét	1 tiết
Em ôn lại những gì đã học	2 tiết
Em vui học toán	1 tiết

Chủ đề / Bài	Số tiết
4. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	30 tiết
Phép cộng dạng $14 + 3$	2 tiết
Phép trừ dạng $17 - 2$	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Cộng, trừ các số tròn chục	1 tiết
Phép cộng dạng $25 + 14$	2 tiết
Phép cộng dạng $25 + 4$, $25 + 40$	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Phép trừ dạng $39 - 15$	2 tiết
Phép trừ dạng $27 - 4$, $63 - 40$	2 tiết
Luyện tập	1 tiết
Luyện tập chung	1 tiết
Các ngày trong tuần lễ	1 tiết
Đồng hồ – Thời gian	2 tiết
Em ôn lại những gì đã học	2 tiết
Em vui học toán	1 tiết
Ôn tập các số trong phạm vi 10	1 tiết
Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	1 tiết
Ôn tập các số trong phạm vi 100	1 tiết
Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	1 tiết
Ôn tập về thời gian	1 tiết
Ôn tập	2 tiết

2.4 Yêu cầu Phương pháp dạy học

2.4.1. – Tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, phù hợp với tiến trình nhận thức, NL nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS, tạo điều kiện giúp người học phát huy tính tích cực, độc lập, phát triển các NL chung và NL toán học.

Tiến trình đó bao gồm các bước chủ yếu: *Trải nghiệm – Kiến thức mới – Thực hành, luyện tập – Vận dụng*. Bên cạnh đó, tổ chức cho HS được tham gia một số HĐ thực hành hoặc các HĐ ngoài giờ chính khoá liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản hoặc vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn.

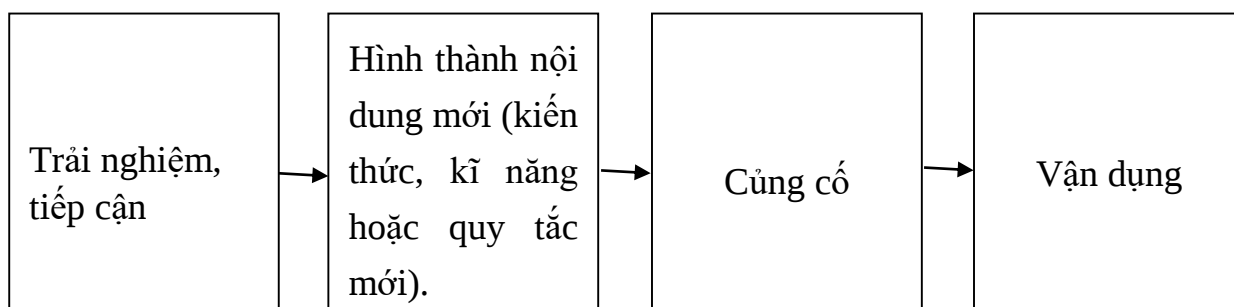
– NL được hình thành và phát triển thông qua HĐ học tập và trải nghiệm cá nhân. Cần *xác định các cơ hội mà môn Toán góp phần hình thành và phát triển NL cho HS* (NL chung và các NL toán học với mức độ cần đạt phù hợp ở từng lớp, từng cấp học). Từ đó, *tổ chức HĐ* tạo được cơ hội thuận lợi để hình thành phát triển các NL cần đạt.

Ví dụ minh họa	Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh
Xem tranh bài 4b) trang 41 và bài 3a) trang 55 – SGK Toán 1. Nêu phép tính thích hợp vào ô trống:  =  =	– Quan sát tranh và hình dung được tình huống: Lúc đầu có 3 bạn đang ngồi đọc sách, sau đó có thêm 2 bạn nữa đi tới; lúc đầu trên lá có 4 con bọ dừa, sau đó có 1 con bay đi. – Liên hệ với phép tính thích hợp trong mỗi hình (tranh thứ nhất liên quan đến phép cộng, tranh thứ hai liên quan đến phép trừ) – Viết được phép tính thích hợp với tranh vào ô trống ($3 + 2 = 5$, $4 - 1 = 3$). – Kiểm tra lại kết quả. Qua việc thực hiện bài toán này, học sinh có cơ hội phát triển <i>NL giải quyết vấn đề toán học</i> và <i>NL giao tiếp toán học</i>.

2.4.2. Quy trình dạy học một số dạng bài điển hình

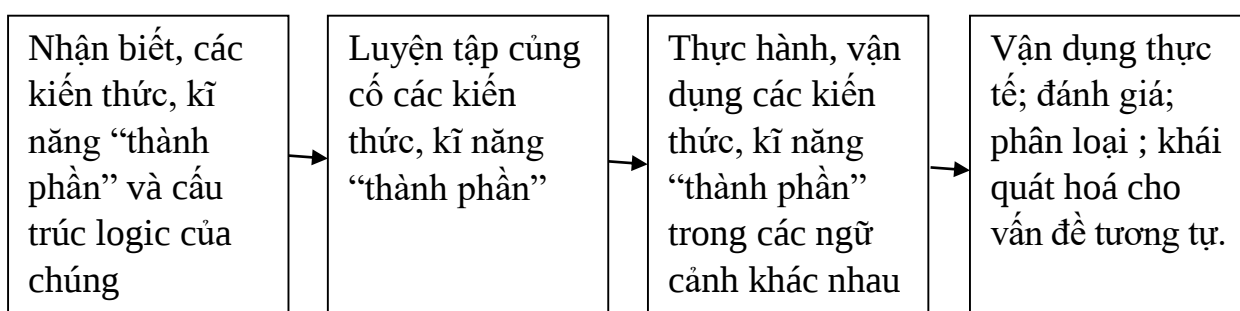
a) Dạy học “Bài mới”

Các HĐ chủ yếu trong tiến trình dạy học dạng “Bài mới”:



b) Dạy học dạng bài “Thực hành – Luyện tập”

Các HĐ chủ yếu trong tiến trình dạy học dạng bài “Thực hành – Luyện tập”:



c) Dạy học dạng bài “Ôn tập”

Bài Ôn tập nên được cấu trúc gồm ba phần:

- Tái hiện, củng cố: Gồm những bài tập cơ bản được chọn lọc giúp HS tái hiện, củng cố những kiến thức cơ bản, trọng tâm đã học trong tuần.
- Kết nối: Gồm những bài tập được chọn lọc giúp HS kết nối các kiến thức được học trong tuần và nâng cao dần kĩ năng giải toán và NL tư duy.
- Vận dụng, phát triển: Gồm những bài tập ở mức độ vận dụng, phát triển, những bài toán vui, những câu đố, những ứng dụng hoặc thể hiện của Toán học trong đời sống. HS phải phân tích, tổng hợp, so sánh và vận dụng kiến thức để hoàn thành các bài tập.

Cuối mỗi bài học nên có mục “Em tự đánh giá” để HS tự đánh giá việc hoàn thành bài học hoặc để GV, cha mẹ HS đánh giá sự tiến bộ của HS.

d) Dạy học dạng bài “Hoạt động thực hành trải nghiệm”: Đây là dạng bài được tổ chức thông qua các HĐ thực hành – trải nghiệm nhằm ôn tập, củng cố, thực hành vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn (có thể tổ chức ngoài giờ chính khoá). VD thông qua các HĐ: Hát theo nhịp và Chơi trò chơi, Tạo các số bằng các vật liệu khác nhau, HS được củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.

2.5. Vấn đề đánh giá và xếp loại học sinh trong dạy học môn Toán lớp 1 (Cánh Diều)

Khi soạn bài GV cần chú ý phản ánh HĐ đánh giá kết quả học tập của HS khi học Toán 1. Đó là những HĐ quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập của HS; HĐ hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập cũng như việc hình thành và phát triển một số NL, phẩm chất của HS trong quá trình học môn Toán.

GV cần chú ý thiết kế, tổ chức cho HS được tham gia đánh giá, tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển NL vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình học môn Toán.

Thông qua đánh giá quá trình, GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh HĐ dạy học ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả HĐ học tập của HS.

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)

3.1. Hệ thống sách, các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)

3.1.1. Sách giáo viên

Toán 1 – Sách giáo viên được biên soạn trên tinh thần quán triệt yêu cầu cần đạt của CT môn Toán lớp 1, có tính đến những nét đặc thù trong dạy học ở các điều kiện khác nhau. Để giúp GV giảm nhẹ áp lực khi soạn bài, cũng như khi dạy học trên lớp, các tác giả khuyến khích GV có thể sử dụng (trong soạn giáo án cá nhân) toàn bộ hay một phần các kịch bản được nêu trong phần “Hướng dẫn tổ chức dạy học từng bài” trong Toán 1 – SGK

3.1.2. Sách bổ trợ Vở bài tập Toán 1 (gồm 2 tập)

Vở bài tập Toán 1 được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 1; Giúp các em HS lớp 1 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các HĐ dạy học theo hướng thiết kế các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong SGK Toán 1 (Cánh Diều), nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho HS trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn HS làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong SGK Toán 1 (Cánh Diều).

3.1.3. Sách tham khảo thiết yếu (in giấy)

1. Bài tập Toán 1 (gồm 2 tập)

Sách **Bài tập Toán 1** cung cấp cho HS và GV hệ thống bài tập/hoạt động thực hành với đầy đủ dạng loại, tương thích về độ khó và mức độ yêu cầu nêu trong SGK Toán 1 (Cánh Diều). Đồng thời có thiết kế hệ thống bài tập giúp HS kết nối kiến thức, tạo cơ hội hình thành và phát triển NL, tạo hứng thú học tập môn Toán.

Sách sẽ giúp các em HS tự học, luyện tập ở lớp, ở nhà; hỗ trợ các thầy cô giáo và phụ huynh HS thuận lợi hơn khi tổ chức các HĐ dạy học, cũng như giúp đỡ HS học tập môn Toán

2. Phiếu thực hành cuối tuần Toán 1

Phiếu Thực hành cuối tuần Toán 1 được biên soạn tương thích với Kế hoạch học theo từng tuần được bố trí trong SGK Toán 1 (Cánh Diều).

3. Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 1 (gồm 2 tập)

Sách **Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 1** được biên soạn tương thích với kế hoạch dạy học theo từng tuần bố trí trong SGK Toán 1 (Cánh Diều). Sách cung cấp cho GV tài liệu củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng thực hành giải quyết vấn đề của HS, đặc biệt khi thực hiện dạy học 2 buổi/ngày. Đồng thời, để bảo đảm tính tích hợp, tính phân hoá trong dạy học bộ môn Toán nội dung mỗi tuần được thể hiện trong các phần: *Bài tập cơ bản* và *Bài tập nâng cao*.

3.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học: Về cơ bản, thiết bị, đồ dùng dạy học môn Toán lớp 1 phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Toán 1 (Cánh Diều).

3.3. Học liệu điện tử: Khai thác thế mạnh của công nghệ thông tin để tăng hiệu quả của nội dung sách giấy (tương tác hóa, hoạt hóa) điều mà sách giấy không truyền tải được. GV chỉ cần tải về một lần và sử dụng cả trong điều kiện không có kết nối internet.

Học liệu điện tử bao gồm các dạng sau:

– *Phiên bản điện tử của SGK giấy* bao gồm:

- + Các video hoạt hình hoá nội dung, tăng khả năng tương tác;
- + Các bài tập sử dụng công nghệ thông tin tạo ra sự tương tác giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài tập của người học; hỗ trợ GV, HS, phụ huynh HS trong quá trình dạy và học SGK Toán 1 (Cánh Diều).

– *Tư liệu bài giảng dành cho GV:* thiết kế bài giảng tương ứng với từng kiểu bài dạy học, các tài liệu bổ trợ để GV có thể tham khảo khi dạy học.

– *Tài liệu tập huấn, bài tập bổ trợ:* để GV, HS tham khảo.

Phần thứ hai
HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC
THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1 (CÁNH DIỀU)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Nội dung chính của mỗi bài soạn có thể bao gồm các phần: I. Mục tiêu; II. Chuẩn bị; III. Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu; IV. Lưu ý cho GV.

Trong mỗi bài soạn cần chú ý nêu phương thức tổ chức HĐ của HS, với các HĐ chủ yếu như sau:

a) *Hoạt động cá nhân (think)* là HĐ yêu cầu HS thực hiện các bài tập/nhiệm vụ học tập một cách độc lập. Loại HĐ này nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. GV cần đặc biệt coi trọng HĐ cá nhân của HS.

b) *Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm (pair)* là những HĐ nhằm giúp HS phát triển NL hợp tác, tăng cường sự chia sẻ. Thông thường, hình thức HĐ cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/ nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Còn hình thức HĐ nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) *Hoạt động chung cả lớp (share)* là hình thức HĐ phù hợp với số đông HS. HĐ chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống: nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập trình bày trước tập thể lớp,... Khi tổ chức HĐ chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức HĐ này.

Ngoài ra GV nên chú ý các hình thức HĐ của HS trong mối tương tác với xã hội, với cộng đồng như: giao tiếp với bạn bè, người thân trong gia đình, tham gia HĐ ở địa phương, ...

Vấn đề liên hệ vận dụng thực tế:

– GV cần tìm cách kết nối, liên hệ giữa các kiến thức toán dạy học trong nhà trường với thực tiễn đời sống hằng ngày của HS. VD, xuất phát từ một nội dung dạy học môn Toán, xác định những HĐ thực tiễn liên hệ với nó, phân tích thành các HĐ thành phần rồi căn cứ vào mục tiêu dạy học mà tổ chức cho HS thực hành trải nghiệm.

– Căn cứ trên nhu cầu thực tiễn về đo đạc, tính toán, nhận dạng các hình; khai thác thông tin, số liệu về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, giao thông vận

tải, ..., các thông tin liên quan đến các sự kiện thời sự, chính trị hằng ngày, đặc biệt nhu cầu về tính toán trong đời sống để đề xuất các bài tập hay tình huống học tập toán học cho HS.

– Tìm những thông tin, những số liệu khoa học kỹ thuật, hoặc thông tin thực tế tại địa phương (chứ không phải là những bài tập có tính chất mô phỏng toán học của thực tiễn) để giới thiệu cho HS. Có thể cung cấp cho HS các thông tin liên quan đến thực tế đời sống.

– Nhận biết những cơ hội có thể vận dụng tri thức toán học vào các môn học khác trong nhà trường hoặc những HĐ ngoài nhà trường như thực hành thu thập số liệu, đối chiếu, kiểm tra,

– Ngoài ra, GV cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp, đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố, ... phù hợp với nội dung học tập và điều kiện cơ sở vật chất của lớp học, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học của mình.

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo) (SGK Toán 1, trang 40)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 6 (trong phạm vi 6) và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HS thực hiện lần lượt các HĐ sau:

– Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính; bạn B nêu kết quả phép tính đó (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

– Sắp xếp các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.

– GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

– HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6*.

– HS đưa ra *phép cộng* và đổ nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

– GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số với 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số với 2.

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số với 3.

Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số với 4.

Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số với 5.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1.

– Cá nhân HS làm bài tập 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.

– Đối vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tính nhẩm.

– GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 + 1$; $1 + 4$; $5 + 1$; $1 + 5$...

– Ở phần b, GV nên đặt câu hỏi để HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chỗ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi. HS lấy thêm VD tương tự: $2 + 3 = 5$; $3 + 2 = 5$...

Bài 2. HS tự làm bài tập 2, chọn phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp. Chia sẻ trước lớp.

Bài 3. HS quan sát phân tích mẫu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS cách làm các bài tập có số 0 trong phép cộng (một số cộng với 0 có kết quả bằng chính số đó). GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp lấy thêm VD phép cộng với số 0.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

a) Bên trái có 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. *Có tất cả* bao nhiêu con ong? Ta có phép cộng $3 + 3 = 6$. Vậy có tất cả 6 con ong.

b) Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. Có thêm 2 bạn đi đến. *Có tất cả* bao nhiêu bạn? Ta có phép cộng $3 + 2 = 5$. Vậy có tất cả 5 bạn.

D. Hoạt động vận dụng

– HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

– GV khuyến khích HS nêu một vài tình huống tương tự, suy nghĩ và nói theo cách của các em.

E. củng cố, dặn dò

– Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

– Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đến 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

– Thông qua việc quan sát tranh, nêu tình huống thích hợp với tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề và NL mô hình hoá toán học.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết thời gian và tổ chức các HĐ cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài tập 1.

🔍 CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ VÀ LÀM BÀI THU HOẠCH

Câu 1. Phân tích một số điểm mới trong SGK Toán 1 (Cánh Diều).

Câu 2. Anh/chị hãy lựa chọn một nội dung trong SGK Toán 1 (Cánh Diều) và soạn bài dạy học (thiết kế kế hoạch bài học) cho nội dung đó.

Câu 3. Phân tích các phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá HS dự kiến sẽ sử dụng trong kế hoạch bài học đã thực hiện ở câu 2.